

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 334/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 30 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2017
đối với các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1455/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh về việc quy định danh mục và giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo Công văn số 2136/UBND-KTTC ngày 03/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên năm 2017 đối với các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1325/STNMT-TCKH ngày 24 tháng 3 năm 2017 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2017 đối với các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2017 đối với 168 mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung chính như sau:

1. Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2017: 21.727.557.574 đồng.

(Bằng chữ: Hai mươi một tỷ, bảy trăm hai mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm bảy mươi tư đồng).

2. Thời điểm nộp tiền: Trước ngày 31 tháng 3 năm 2017.

(Có Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo)

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến các đơn vị (danh sách theo Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo) về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2017 theo quy định.

2. Các đơn vị được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản có trách nhiệm nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách Nhà nước theo quy định. Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý tải trọng xe; có trách nhiệm sửa chữa các đường giao thông hư hỏng do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố nơi có mỏ chỉ đạo UBND các xã liên quan có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

4. Để tránh lãng phí tài nguyên, thất thoát ngân sách Nhà nước do diện tích, trữ lượng mỏ được cấp phép lớn nhưng công suất khai thác thấp; giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan xem xét, đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư khai thác khoáng sản đối với 44 đơn vị tại Phụ lục 2; tham mưu đề xuất; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Sau khi có hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phương pháp quy đổi để thực hiện tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, giao Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các đơn vị trên theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc các đơn vị khai thác khoáng sản có tên tại Điều 1, Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *thc*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, CNXDGT, KTTC (HYT1325).
QDKP 17-043

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

PHỤ LỤC 01:
DANH SÁCH 124 ĐƠN VỊ THỰC HIỆN NỘP TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số : 934 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền cấp quyền KTKS	Loại khoáng sản	Vị trí khu vực cấp phép	Số quyết định phê duyệt lần đầu	Số lần nộp tiền	Từ năm đến năm	Số tiền phải nộp năm 2016	Số tiền phải nộp năm 2017	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng cộng							16.571.183.627	12.336.449.778	
1	Công ty CP Licogi 15	Đá vôi	Xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	1018/QĐ 04/10/2014	12	2014-2026	146.668.875	119.577.510	
2	Công ty Cổ phần Tân Thường Xuân	Đá vôi	Xã Tân Thành, huyện Thường Xuân	4590/QĐ 11/09/2015	15	2015-2029	59.249.828	51.998.231	
3	Doanh nghiệp tư nhân Quỳnh Kim	Đá vôi	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc	4621/QĐ 11/10/2015	15	2015-2029	87.469.301	71.290.840	
4	Công ty TNHH Thanh Nghệ	Đá vôi	Xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc	1365/QĐ 05/09/2014	15	2014-2029	145.820.494	68.043.240	
5	Công ty TNHH Một thành viên Hiền Hưng	Đá vôi	Xã Cẩm Giang, huyện Cẩm Thủy	1638/QĐ 30/5/2014	12	2014-2026	104.544.756	71.662.500	
6	Công ty TNHH Đại Thủy	Đá vôi	Xã Định Tăng, huyện Yên Định	1365/QĐ 05/09/2014	13	2014-2017	55.282.072	48.536.836	
7	Công ty TNHH Trung Nam	Đá vôi	Xã Tân Trường và Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	2076/QĐ 07/02/2014	5	2014-2019	338.842.296	308.376.900	
8	Công ty TNHH Thương mại vận tải Giang Linh	Đá vôi	Xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	2087/QĐ 07/02/2014	15	2014-2029	145.037.371	120.838.860	

9	Công ty TNHH Một thành viên Tân Thành 9	Đã với	Xã Đông Hưng và xã Đông Vinh, TP Thanh Hóa	2177/QĐ 07/10/2014	15	2014-2029	146.355.677	126.843.893	
10	Hợp tác xã Công nghiệp Thạch Bền	Đã với	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung	2306/QĐ 23/7/2014	14	2014-2028	84.332.614	60.551.170	
11	Công ty CP Xây dựng và Khai thác Trường Sơn	Đã với	Xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa	2888/QĐ 09/06/2014	10	2014-2024	84.866.020	64.337.184	
12	Công ty CP xây dựng và Thương mại tổng hợp Hoàng Sơn	Đã với	Xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa	2889/QĐ 09/06/2014	10	2014-2024	74.081.956	50.960.565	
13	Doanh nghiệp tư nhân Tiên Loan	Đã với	Xã Sơn Lư, huyện Quan Sơn	3146/QĐ 25/9/2014	10	2014-2024	137.229.820	73.409.143	
14	Công ty TNHH Nguyên Phú	Đã với	Xã Thành Vân, huyện Thạch Thành	3395/QĐ 13/10/2014	15	2014-2029	116.396.280	68.392.039	
15	Hợp tác xã Vận tải Kinh Gia	Đã với	Xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	4493/QĐ15/12/2014	7	2014-2020	226.176.651	149.641.681	
16	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hà Liên	Đã với	Xã Tân Phúc, huyện Nông Cống	4793/QĐ 29/12/2014	10	2014-2023	96.235.192	59.694.319	
17	Công ty CP ĐT XD thương mại Thịnh Trường	Đã với	Xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia	940/QĐ 20/3/2015	15	2015-2029	129.614.843	92.439.285	
18	Trại giam Thanh Lâm	Đã với	Xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân	1410/QĐ 20/4/2015	15	2015-2029	96.192.945	66.826.890	
19	Công ty TNHH Xây dựng giao thông thủy lợi Giang Sơn	Đã với	Xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia	1528/QĐ 25/4/2015	10	2015-2024	399.049.600	322.815.578	

20	Công ty Xây dựng thương mại và Du lịch Việt Anh	Đá vôi	Xã Phương Nghi và Mậu Lâm, huyện Như Thanh	1775/QĐ 18/5/2015	15	2015-2029	120.126.240	95.855.400	
21	Công ty CP Sản xuất và Thương mại Tự Lập	Đá vôi	Xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy	2227/QĐ 17/6/2015	15	2015-2029	95.563.042	82.406.593	
22	Công ty TNHH Yên Bình	Đá vôi	Xã Thanh Phong, huyện Như Xuân	2286/QĐ 22/6/2015	15	2015-2029	75.706.665	68.987.908	
23	Trại giam Thanh Phong	Đá vôi	Xã Đông Hưng, TP Thanh Hóa	2456/QĐ 07/06/2015	14	2015-2028	156.432.914	114.257.959	
24	Doanh nghiệp tư nhân Tiến Thịnh	Đá vôi	Xã Hoàng Sơn, huyện Nông Cống	2643/QĐ 20/7/2015	15	2015-2029	92.365.502	53.234.865	
25	Công ty Cổ phần 471	Đá vôi	Xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	4072/QĐ 14/10/2015	15	2015-2029	225.316.208	155.790.000	
26	Hợp tác xã Khai thác đá Vật liệu xây dựng và Dịch vụ Xuân Tiến	Đá vôi	Xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh	3492/QĐ 14/09/2015	12	2015-2026	80.242.672	62.938.017	
27	Hợp tác xã Sản xuất VLXD Chính Long	Đá vôi	Xã Đông Phú, huyện Đông Sơn	4544/QĐ 11/04/2015	15	2015-2029	104.712.108	75.581.954	
28	Doanh nghiệp tư nhân Tân Đạt	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	4567/QĐ 11/05/2015	15	2015-2029	75.485.961	51.385.146	
29	Công ty CP Sản xuất và Thương mại Tự Lập	Đá vôi	Xã Cẩm Quý, huyện Cẩm Thủy	4569/QĐ 11/05/2015	15	2015-2029	135.427.782	111.717.156	
30	Doanh nghiệp tư nhân Ngân Chỉ	Đá vôi	Xã Xuân Khang, huyện Như Thanh	4722/QĐ 16/11/2015	15	2015-2029	217.742.710	176.281.191	

31	Tổng Cty Đầu tư Hà Thanh-CTCP	Đá vôi	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc	5101/QĐ 12/07/2015	15	2015-2029	141.824.748	129.048.140	
32	Công ty TNHH Thương mại Phú Sơn	Đá vôi	Xã Nga Phú, huyện Nga Sơn	2112/QĐ 07/07/2014	10	2014-2024	84.876.578	60.379.020	
33	Công ty CP Sản xuất và Thương mại Tự Lập	Đá vôi	Xã Thiết Kế, huyện Bá Thước	4057/QĐ21/11/2014	15	2014-2028	99.738.041	89.017.093	
34	Hợp tác xã sản xuất VLXD Đông Vinh	Đá vôi	Xã Đông Vinh, thành phố Thanh Hóa	61/QĐ 01/12/2015	7	2015-2021	92.342.413	38.134.094	
35	Doanh nghiệp tư nhân Huyền Quý	Đá vôi	Xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung	2245/QĐ 18/7/2014	11	2014-2025	72.378.655	64.714.214	
36	Doanh nghiệp tư nhân Văn Lộc	Đá vôi	Xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy	1019/QĐ 04/10/2014	15	2014-2029	105.021.571	51.465.375	
37	Công ty TNHH ĐT PT lâm nghiệp và XD Thành Đạt	Đá vôi	Xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân	3393/QĐ 13/10/2014	15	2014-2029	92.970.994	68.712.384	
38	Công ty TNHH Trí Thụ	Đá vôi	Xã Đông Nam, huyện Đông Sơn	3540/QĐ 22/10/2014	15	2014-2029	207.931.188	130.503.486	
39	Công ty CP Loan Dương	Đá vôi	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung	3811/QĐ 11/05/2014	12	2014-2025	182.314.590	132.435.409	
40	Công ty CP Hồng Phúc	Đá vôi	Xã Hà Đông, huyện Hà Trung	3710/QĐ 31/10/2014	10	2023	59.705.581	32.784.117	
41	Doanh nghiệp tư nhân Anh Tuấn	Đá vôi	Xã Cẩm Quý, huyện Cẩm Thủy	3972/QĐ 18/11/2014	15	2028	73.682.185	53.092.138	
42	Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Đức Tài	Đá vôi	Xã Hồi Xuân, huyện Quan Hóa	3931/QĐ 13/11/2014	6	2014-2019	167.346.270	114.654.852	

43	Doanh nghiệp tư nhân Đại Lợi	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	4289/QĐ 12/05/2014	15	2014-2028	96.262.532	75.609.337	
44	Công ty cổ phần Mạnh Tân	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	4602/QĐ 22/12/2014	15	2014-2028	212.051.846	181.444.050	
45	Công ty CP Vĩnh Hòa	Đá vôi	Xã Vĩnh An và Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc	232/QĐ 22/1/2015	15	2015-2029	103.542.888	38.354.925	
46	Hợp tác xã Công nghiệp Đông Đình	Đá vôi	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung	315/QĐ 28/1/2015	10	2015-2024	162.699.476	133.280.828	
47	Công ty TNHH Anh Tú	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	435/QĐ 02/05/2015	13	2015-2027	203.876.020	185.885.075	
48	Công ty TNHH Hoàng Nhân	Đá vôi	Xã Cẩm Quý, huyện Cẩm Thủy	1610/QĐ 05/05/2015	15	2015-2029	61.193.174	35.098.837	
49	Công ty TNHH Sản xuất đá Vạn Long	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	2455/QĐ 07/06/2015	15	2015-2029	226.931.592	161.623.956	
50	Công ty TNHH Cao Minh	Đá vôi	Xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc	2583/QĐ 14/7/2015	15	2014-2028	134.349.972	124.530.295	
51	Doanh nghiệp tư nhân Phạm Văn Chung	Đá vôi	Xã Phúc Đường, huyện Như Thanh	2685/QĐ22/7/2015	15	2015-2029	83.945.160	57.023.865	
52	Công ty Cổ phần Hoàng Trường	Đá vôi	Xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	2689/QĐ 23/7/2015	10	2015-2024	101.530.962	43.310.970	
53	Hợp tác xã Thành Công	Đá vôi	Xã Xuân Bình, huyện Như Xuân	2690/QĐ 23/7/2015	15	2015-2029	110.027.128	66.049.655	
54	Doanh nghiệp tư nhân Phúc Hương	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	2887/QĐ 08/04/2015	15	2015-2029	142.707.144	121.290.987	
55	Công ty CP Xây dựng đô thị 5	Đá vôi	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc	2884/QĐ 08/04/2015	15	2015-2029	230.896.284	175.259.959	

56	Doanh nghiệp tư nhân Long Thành	Đá vôi	Xã Đông Hưng, TP Thanh Hóa và xã Đông Quang, huyện Đông Sơn	3086/QĐ 17/8/2015	15	2015-2029	237.312.132	153.944.146	
57	Công ty TNHH Cao Tuấn Cường	Đá vôi	Xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành	3284/QĐ 28/8/2015	7	2015-2021	122.620.802	90.182.866	
58	Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Quân	Đá vôi	Xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc	1224/QĐ 24/4/2014	14	2014-2028	58.348.970	58.286.258	
59	Doanh nghiệp tư nhân Trần Hoàn	Đá vôi	Xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân	1502/QĐ 24/4/2015	15	2015-2029	86.713.389	78.248.404	
60	Công ty TNHH Chế biến đá tự nhiên Nam Thái Sơn	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	3291/QĐ 10/06/2014	15	2014-2029	161.238.335	108.173.172	
61	HTX khai thác, chế biến đá Vĩnh Minh	Đá vôi	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc	1903/QĐ 19/6/2014	10	2014-2024	96.449.914	73.890.987	
62	Doanh nghiệp tư nhân Bình Tùng	Đá vôi	Xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân	1412/QĐ 20/4/2015	14	2015-2028	117.866.837	85.699.350	
63	Doanh nghiệp tư nhân Quý Trọng	Đá vôi	Xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	1451/QĐ 22/4/2015	15	2015-2029	98.235.728	77.859.138	
64	Công ty TNHH Đá Cúc Khang	Đá vôi	Xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	1501/QĐ 24/4/2015	10	2015-2024	86.558.202	62.365.609	
65	Công ty Cổ phần Phú Thắng	Đá vôi	Xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn	4315/QĐ 27/10/2015	14	2015-2028	108.764.331	75.778.783	
66	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác 11	Đá vôi	Xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc	3894/QĐ 10/06/2015	15	2015-2029	156.164.383	112.550.164	

67	Công ty TNHH Sản xuất VLXD Đồng Thắng	Đá vôi	Xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn	3702/QĐ 24/9/2015	12	2015-2026	94.968.000	71.607.354	
68	Hợp tác xã khai thác, chế biến đá Đồng Thắng	Đá vôi	Xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn	3570/QĐ 18/9/2015	12	2015-2026	69.118.207	48.413.876	
69	Doanh nghiệp tư nhân Phương Hương	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	1317/QĐ 05/06/2014	10	2014-2024	88.170.090	78.055.887	
70	Công ty TNHH Đá ốp lát Hoan Liên	Đá vôi	Xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân	210/QĐ 21/1/2015	15	2015-2029	77.577.004	69.984.829	
71	Công ty TNHH XD GTTL Tân Sơn	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	1315/QĐ 05/06/2014	13	2014-2027	74.759.900	68.498.542	
72	Công ty TNHH DV Kinh doanh tổng hợp Tây Thành	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	1525/QĐ 21/5/2014	13	2014-2027	106.892.427	98.288.184	
73	Công ty TNHH MTV Tân Thành 2	Đá vôi	Xã Cẩm Giang, huyện Cẩm Thủy	1172/QĐ 22/4/2014	8	2014-2022	218.765.628	155.217.273	
74	Công ty TNHH Phúc Đạt	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	1226/QĐ 24/4/2014	9	2014-2023	71.424.676	46.230.975	
75	Công ty TNHH Quế Sơn	Đá vôi	Phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn	1528/QĐ 21/5/2014	7	2014-2021	111.636.828	99.619.453	
76	Hợp tác xã Sản xuất Vật liệu xây dựng Đồng Minh	Đá vôi	Xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	1059/QĐ 14/4/2014	14	2014-2028	86.240.647	55.206.825	
77	Tổng Công ty CP Đầu tư xây dựng Minh Tuấn	Đá vôi	Xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc	1365/QĐ 05/09/2014	15	2014-2029	80.730.675	64.548.939	
78	Công ty TNHH Thanh Sơn	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	1365/QĐ 05/09/2014	15	2014-2029	207.395.880	128.877.874	

79	Doanh nghiệp tư nhân Khánh Thành	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	1365/QĐ 05/09/2014	10	2014-2024	100.863.118	97.753.437	
80	Doanh nghiệp tư nhân Hải Sâm	Đá vôi	Xã Cẩm Quý, huyện Cẩm Thủy	1421/QĐ 14/5/2014	15	2014-2029	51.462.940	44.012.431	
81	Công ty TNHH Thạch Bảo Phong	Đá vôi	Xã Tân Thành, huyện Thường Xuân	1366/QĐ 05/09/2014	15	2014-2029	111.907.056	77.035.094	
82	Công ty TNHH ĐT phát triển Hà Thanh Bình	Đá vôi	Xã Hà Đông, huyện Hà Trung	3255/QĐ 10/03/2014	15	2014-2029	146.835.746	139.425.731	
83	Công ty TNHH Tiến Độ	Đá vôi	Xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc	3251/QĐ 10/03/2014	15	2014-2029	192.300.453	145.072.634	
84	HTX Khai thác KS, vận chuyển VLXD Hoàng Sơn	Đá vôi	Xã Hoàng Sơn, huyện Nông Cống	2902/QĐ 09/08/2014	15	2014-2029	98.564.588	99.282.177	
85	Doanh nghiệp tư nhân Tuấn Hùng	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	2863/QĐ 09/05/2014	15	2014-2029	273.545.895	196.768.622	
86	Xí nghiệp Tự Lập	Đá vôi	Xã Yên Lâm và xã Yên Tâm, huyện Yên Định	2890/QĐ 09/06/2014	10	2014-2024	91.153.356	99.372.005	
87	Doanh nghiệp tư nhân Dân Nam	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	2367/QĐ 28/7/2014	10	2014-2024	63.477.610	64.244.344	
88	Doanh nghiệp tư nhân Khánh Lộc	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	3400/QĐ 13/10/2014	15	2014-2029	61.930.472	50.367.512	
89	Công ty TNHH Tân Hồng Phúc	Đá vôi	Xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy	4649/QĐ 11/11/2015	15	2015-2029	162.812.590	120.942.038	
90	Doanh nghiệp tư nhân Phúc Hương	Đá vôi	Xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc	362/QĐ 28/1/2016	8	2016-2023	130.989.818	65.826.773	
91	Công ty TNHH Hưng Tiến	Đá vôi	Xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc	159/QĐ 14/1/2016	14	2016-2029	120.157.448	71.214.059	

92	Công ty CP Xây dựng thương mại tổng hợp Nghi Sơn	Đá vôi	Xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia	315/QĐ 25/1/2016	9	2016-2024	170.653.860	123.833.824	
93	Công ty CP Vận tải thủy bộ và Thương mại Hương Xuân	Đá vôi	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc	1278/QĐ 13/04/2016	15	2016-2030	166.690.464	137.448.693	
94	Công ty TNHH Thanh Sơn	Đá vôi	Xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân	1381/QĐ 21/04/2016	15	2016-2030	126.576.324	95.075.043	
95	Công ty CP Sản xuất & Thương mại Tự Lập	Đá vôi	Xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy	1407/QĐ 26/04/2016	15	2016-2030	119.989.609	95.987.948	
96	Doanh nghiệp tư nhân Khánh Thành	Đá vôi	Xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc	1934/QĐ 07/06/2016	15	2016-2030	115.144.578	80.902.593	
97	Công ty TNHH Hoàng Tuấn	Đá vôi	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung	1462/QĐ 29/04/2016	15	2016-2030	138.359.208	88.968.750	
98	Doanh nghiệp tư nhân Quê Hương-Yên Lâm	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	3158/QĐ 22/08/2016	15	2016-2031	121.810.613	90.684.355	
99	Công ty cổ phần Thanh VnC	Đá bazan	Xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc	3157/QĐ 22/08/2016	15	2016-2031	79.023.827	31.418.681	
100	Công ty TNHH Châu Quý	Đá Spilit	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung	2928/QĐ 10/08/2016	15	2016-2030	117.425.808	107.540.248	
101	Doanh nghiệp tư nhân Hải Sâm	Đá Spilit	Xã Vĩnh Minh và Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc	3309/QĐ 30/08/2016	15	2016-2030	237.441.168	160.195.259	
102	Công ty TNHH Đá Thành Minh	Đá Vôi	Xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc	3579/QĐ 16/09/2016	15	2016-2030	181.111.985	105.601.338	
103	Công ty TNHH Minh Hoàn	Đá vôi	Xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân	3577/QĐ 16/09/2016	15	2016-2030	102.588.031	75.508.592	

104	Công ty đầu tư thương mại HHB	Đá bazan, đất san lấp	Xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh	3582/QĐ 16/09/2016	9	2016-2024	112.058.271	98.046.311	
105	Công ty TNHH Thiên Phú Sơn	Đá Vôi	Núi Hang Cá, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc	4795/QĐ 12/12/2016	15	2016-2046	157.044.938	135.218.670	
106	Công ty TNHH Hợp Phát	Đá Bazan	Xã Thanh Tân và xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh	4867/QĐ 19/12/2016	8	2016-2024	159.207.252	130.988.892	
107	Công ty TNHH Huy Hoàng	Đá phiến sét đen	Xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh	4331/QĐ 28/10/2015	7	2015-2021	146.591.397	134.845.568	
108	Công ty CP giống gia súc Thanh Ninh	Đá vôi	Phường Bắc Sơn, thị Xã Bỉm Sơn	3249/QĐ 10/03/2014	13	2017-2030	311.522.120	161.777.948	Đơn vị được UBND tỉnh cho phép nộp tiền cấp quyền từ năm 2017 theo nội dung Công văn số 12650/UBND-KTTC ngày 01/11/2016
109	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Trường An-CN Thanh Hóa	đất san lấp và đá phiến sét đen làm PGXM	Xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh	2796/QĐ 30/7/2015	11	2015-2025	88.995.430	66.027.888	
110	Công ty TNHH Đông Hải PT	Đá split	Xã Vĩnh Phúc, huyện Vĩnh Lộc	3949/QĐ 10/08/2015	15	2015-2029	151.191.426	122.517.265	

111	Chi nhánh Công ty CP Xi măng Công Thanh	Đất san lấp và tận thu đất giàu sắt PGXM	Xã Thanh Phong và Thanh Xuân, huyện Như Xuân	4332/QĐ 28/10/2015	9	2015-2023	440.843.688	334.472.544	
112	Hợp tác xã Công nghiệp Đồng Đình	Đá spilit	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung	4650/QĐ 11/11/2015	15	2015-2029	106.362.756	80.795.699	
113	Công ty TNHH Đức Cường	Đất san lấp và tận thu đá Silic PGXM	Xã Hà Ninh, huyện Hà Trung	5103/QĐ 07/12/2015	10	2015-2024	120.089.682	56.957.452	
114	Công ty TNHH HTV khoáng sản Kim Phát	Quặng sắt	Xã Lương Nội, huyện Bá Thước	2748/QĐ 28/7/2015	7	2015-2021	101.614.037	101.614.037	
115	Công ty TNHH Hà Thành	Đá Bazan	Xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh	1181/QĐ 08/4/2015	12	2015-2026	197.866.079	107.878.007	
116	Công ty TNHH Huy Hoàng	Đất san lấp và tận thu PGXM	Xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống	3665/QĐ 22/9/2015	8	2015-2022	152.153.588	94.515.555	
117	Hợp tác xã Công nghiệp Tân Sơn	Đá spilit	Núi Đá Trắng, xã Hà Tân, huyện Hà Trung	3703/QĐ 24/9/2015	15	2015-2029	63.899.886	59.145.088	
118	Doanh nghiệp tư nhân Long Linh	Đá spilit	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung	1638/QĐ 30/5/2014	15	2014-2029	129.488.980	70.220.512	
119	Công ty TNHH Huy Hoàng	Đá Bazan	Xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh	5408/QĐ 23/12/2015	6	2015-2020	140.003.657	129.126.196	
120	Công ty TNHH Mạnh Trang	Đá Spilit	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung	153/QĐ 13/1/2016	15	2016-2030	150.004.620	119.592.334	

121	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Tây Đô	Quặng đồng	Xã Yên Thắng và xã Trí Nang, huyện Lạng Chánh	225/QĐ 19/1/2016	7	2016-2022	162.412.971	162.412.971	
122	Công ty TNHH sản xuất đá Thái Bình Dương	Đá Spilit	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc	1463/QĐ 29/04/2016	15	2016-2030	131.259.528	103.400.764	
123	Công ty CP Tư vấn XD Thương mại & Du lịch Anh Dũng	Đất san lấp và tận thu silic	Xã Trường Minh, huyện Nông Cống	1612/QĐ 12/05/2016	9	2016-2024	140.366.361	74.534.598	
124	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thương mại Việt Lào	đất, đá phong hóa và đất giàu sắt làm PGXM	Thôn 4, Xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn	5044/QĐ 27/12/2016	7	2016-2022	204.722.023	157.974.503	

PHỤ LỤC 02:
DANH SÁCH 44 ĐƠN VỊ THỰC HIỆN NỘP TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM 2017
 (Kèm theo Quyết định số: 934/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh)

TT	Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền cấp quyền KTKS	Loại khoáng sản	Vị trí khu vực cấp phép	Số quyết định phê duyet lần đầu	Số lần nộp tiền	Từ năm đến năm	Số tiền phải nộp năm 2016	Số tiền phải nộp năm 2017 (tạm tính)	Ghi chú
Tổng cộng							22.768.542.650	9.391.107.796	
1	Công ty TNHH Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Bình Minh	Đá vôi	Xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	1319/QĐ 05/06/2014	25	2014- 2039	279.539.616	128.142.857	
2	Công ty CP Đầu tư và Thương mại dầu khí Thành Phát	Đá vôi	Xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia	1050/QĐ 14/4/2014	14	2014- 2028	222.313.873	116.472.330	
3	Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng	Đá vôi	Xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	1321/QĐ 05/06/2014	25	2014- 2039	177.806.353	67.657.143	
4	Công ty TNHH Anh Việt Hương	Đá vôi	Xã Xuân Phúc, huyện Nhu Thanh	2786/QĐ 29/8/2014	12	2014- 2026	210.179.853	92.430.000	
5	Doanh nghiệp Hồng Ngọc	Đá vôi	Xã Hoàng Sơn, huyện Nông Cống	08/QĐ 01/06/2015	15	2015- 2029	287.755.777	121.392.270	
6	Công ty TNHH Một thành viên Tân Thành 6	Đá vôi	Xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia	3396/QĐ 13/10/2014	15	2014- 2029	283.332.459	187.687.500	
7	Công ty TNHH Đại Phong	Đá vôi	Xã Nga An, huyện Nga Sơn	231/QĐ 22/1/2015	15	2015- 2029	416.483.717	222.075.225	
8	Công ty TNHH Thương mại Phú Sơn	Đá vôi	Xã Nga An, huyện Nga Sơn	285/QĐ 26/1/2015	15	2015- 2029	435.098.328	226.349.474	

9	Doanh nghiệp tư nhân Hồng Phượng	Đá vôi	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung	1934/QĐ 28/5/2015	8	2015- 2022	232.467.030	136.316.036	
10	Công ty CP ĐT XD và Thương mại Minh Hương	Đá vôi	Xã Đông Nam, huyện Đông Sơn	4509/QĐ 11/02/2015	15	2015- 2029	299.836.505	198.784.330	
11	Công ty TNHH Châu Quý	Đá vôi	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung	1225/QĐ 24/4/2014	15	2014- 2029	278.431.684	79.609.845	
12	Công ty TNHH Xuân Trường	Đá vôi	Xã Quý Lộc, huyện Yên Định	134/QĐ 16/1/2015	15	2015- 2029	159.346.200	73.688.880	
13	Công ty TNHH Xuân Trường	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	1540/QĐ 22/5/2014	25	2014- 2039	178.385.704	78.867.298	
14	Công ty TNHH Tiến Thịnh	Đá vôi	Xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc và Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	3485/QĐ 20/10/2014	15	2014- 2029	204.368.086	95.891.950	
15	Doanh nghiệp tư nhân Thành Đồng	Đá vôi	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung	2454/QĐ 07/06/2015	15	2015- 2029	468.573.562	96.692.044	
16	Công ty cổ phần Phú Thắng	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	2746/QĐ 28/7/2015	15	2014- 2029	275.366.000	133.138.098	
17	Công ty CP Thương mại Xuất khẩu Bảo Duy	Đá vôi	Xã Cẩm Liên, huyện Cẩm Thủy	2747/QĐ 28/7/2015	15	2015- 2029	244.132.128	135.127.823	
18	Doanh nghiệp tư nhân Đá ốp lát Hưng Tùng	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	3087/QĐ 17/8/2015	15	2015- 2029	248.710.230	125.730.277	

19	Doanh nghiệp tư nhân SXKD VLXD Hoàng Tú	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	3285/QĐ 28/8/2015	15	2015-2029	419.995.200	303.823.643	
20	Công ty CP Đầu tư XD và TM Minh Hương	Đá vôi	Xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc	1611/QĐ 05/05/2015	15	2015-2029	312.992.888	179.558.570	
21	Doanh nghiệp tư nhân Trần Hoàn	Đá vôi	Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn	1803/QĐ 06/11/2014	15	2014-2029	238.900.964	144.706.708	
22	Doanh nghiệp tư nhân Khánh Thành	Đá vôi	Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn	1545/QĐ 27/4/2015	15	2015-2029	244.096.908	150.297.202	
23	Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và công trình giao thông	Đá vôi	Xã Đông Vinh, TP Thanh Hóa và Xã Đông Quang, huyện Đông Sơn	3696/QĐ 24/9/2015	15	2015-2029	296.922.035	160.572.639	
24	Doanh nghiệp tư nhân Trường Thịnh	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	1227/QĐ 24/4/2014	15	2014-2029	212.131.781	87.275.854	
25	Công ty TNHH MTV Tân Thành 2	Đá vôi	Xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	1527/QĐ 21/5/2014	15	2014-2029	298.499.010	207.389.845	
26	Doanh nghiệp tư nhân Tiến Thành	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	1060/QĐ 14/4/2014	15	2014-2029	404.013.767	72.840.107	
27	Doanh nghiệp tư nhân Tân Hải	Đá vôi	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung	1979/QĐ 26/6/2014	15	2014-2029	204.610.831	66.016.246	
28	Doanh nghiệp tư nhân Hiền Thuận	Đá vôi	Xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc	1904/QĐ 19/6/2014	15	2014-2029	236.899.044	120.212.599	

29	Doanh nghiệp Toàn Thắng	Đá vôi	Xã Tân Phúc, huyện Nông Công	1365/QĐ 05/09/2014	15	2014-2029	189.603.748	77.169.144	
30	Hợp tác xã Công nghiệp Tân Sơn	Đá vôi	Xã Hà Tân, huyện Hà Trung	2210/QĐ 16/7/2014	15	2014-2029	302.376.448	68.615.100	
31	Công ty TNHH Phúc Lộc Gia	Đá vôi	Xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia	363/QĐ28/01/2016	15	2016-2030	244.715.952	142.350.000	
32	Công ty CP Đầu tư AMD Group	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	1969/QĐ 08/06/2016	15	2016-2030	395.713.668	284.223.851	
33	Công ty CP Licogi 13	Đá vôi	Xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia	3107/QĐ 17/08/2016	6	2016-2022	1.358.306.430	1.105.475.787	
34	Công ty CP Đầu tư AMD Group	Đá vôi	Xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc	2927/QĐ 05/08/2016	15	2016-2030	540.684.792	382.978.468	
35	Công ty CP Khoáng sản Fecon Hải Đăng	Đá Vôi	Xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh và xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia	4669/QĐ 30/11/2016	7	2016-2022	899.716.554	206.338.121	
36	Công ty TNHH Đồng Phú	Đá Vôi	Núi Vĩnh Lạt, Xã Tân Phúc, huyện Nông Công	4796/QĐ 12/12/2016	15	2016-2046	231.416.375	131.157.000	

37	Công ty TNHH Phú Nam Sơn (nhận chuyển nhượng từ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Nam Phương)	Đá vôi	Xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia	2450/QĐ 07/03/2015	15	2014-2028	959.042.585	620.517.857	
38	Công ty TNHH Phú Nam Sơn	Đá vôi	Xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia	1450/QĐ 22/4/2015	10	2015-2024	904.930.400	749.206.770	
39	Công ty CP Puzzolan Như Xuân	Đá Bazan làm VLXD	Xã Xuân Bình, huyện Như Xuân	1006/QĐ 26/3/2015	15	2015-2029	312.285.542	184.667.664	
40	Hợp tác xã Nam Thành	Đá vôi	Cắm Thành, Cắm Thủy	3256/QĐ 26/8/2015	15	2015-2029	171.854.432	38.660.143	
41	Công ty TNHH MTV Vôi Việt Nam	Đá vôi	Phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn	1359/QĐ 15/4/2015	20	2015-2034	7.490.457.000	1.145.911.765	
42	Công ty TNHH Huy Hoàng	Đất san lấp và tận thu PGXM	Xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc	3330/QĐ 01/9/2015	15	2015-2029	493.877.646	297.579.162	
43	Công ty TNHH Trường Long	Đá vôi	Xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc	1316/QĐ 06/5/2014	15	2014-2029	325.093.701	62.936.994	
44	Công ty TNHH VL đá XD Minh Thành (trước đây là Công ty Long Giang)	Đá vôi	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	1365/QĐ 05/09/2014	15	2014-2029	177.277.844	84.573.178	